

Số: 199/EMC-KĐXD

Quảng Ngãi, ngày 13 tháng 04 năm 2026

**CÔNG BỐ CÔNG KHAI THÔNG TIN VỀ NĂNG LỰC
HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG**

SỞ XÂY DỰNG QUẢNG NGÃI

ĐẾN Số :
Ngày : 20/11/26

Chuyển:
Lưu hồ sơ số:

Kính gửi: - Sở Xây dựng tỉnh Quảng Ngãi
- Chủ đầu tư; Các Đơn vị thi công; Quý khách hàng...

Căn cứ Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng.

Trung tâm Kỹ thuật quan trắc môi trường công bố công khai thông tin về năng lực hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng như sau:

**I. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN
NGÀNH XÂY DỰNG**

1. Tên tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng: **TRUNG TÂM KỸ THUẬT QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG**

2. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:

- Quyết định thành lập số: 1596/QĐ-UBND ngày 28 tháng 8 năm 2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc Thành lập Trung tâm Kỹ thuật quan trắc môi trường trực thuộc Ban quản lý KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi (có thư mục kèm theo)

3. Địa chỉ: Khu đô thị mới Vạn Tường, xã Vạn Tường, tỉnh Quảng Ngãi.

4. Địa chỉ hòm thư điện tử: Email: emcdungquat@gmail.com

5. Điện thoại: 0255.3610704 Website: <https://dungquatemc.com.vn>

6. Tên phòng thí nghiệm: **Phòng Tư vấn và kiểm định Xây dựng**

- Mã số phòng thí nghiệm: **LAS-XD 47.004**

- Quyết định ban hành chức năng nhiệm vụ và quyền hạn của Phòng Tư vấn và kiểm định Xây dựng số: 28/QĐ-EMC ngày 22 tháng 07 năm 2025 của Trung tâm Kỹ thuật quan trắc môi trường (có thư mục kèm theo)

- Quyết định bổ nhiệm chức vụ Phó trưởng phòng Tư vấn và kiểm định Xây dựng đối với ông Phạm Chí Công số: 21/QĐ-EMC ngày 04 tháng 08 năm 2025 (có thư mục kèm theo)

- Bằng tốt nghiệp Kỹ sư kỹ thuật công trình xây dựng (có thư mục kèm theo)

- Chứng nhận bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng quản lý hoạt động phòng thí

nghiệm chuyên ngành xây dựng (có thư mục kèm theo)

- Điện thoại: 0914.088.447

7. Địa chỉ: Khu đô thị mới Vạn Tường, xã Vạn Tường, tỉnh Quảng Ngãi.

II. THÔNG TIN VỀ NĂNG LỰC CỦA TỔ CHỨC HOẠT THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

1. Danh mục các chỉ tiêu thí nghiệm:

TT	TÊN CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM	TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT	GHI CHÚ
I	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ XI MĂNG VÀ HÓA XI MĂNG		
1	- Độ mịn, khối lượng riêng của xi măng	TCVN 13605:2023; ASTM C188:09; ASTM C184:94; ASTM C204:11; AASHTO T133:11; AASHTO T153:11; AASHTO T192:11; BS 196:05; JIS R 5201:97	
2	- Xác định giới hạn bền uốn và nén	TCVN 6016:11; TCVN 5691:00; ASTM C109:11; ASTM C348, C349; AASHTO T106:11; BS 196:05; BS 1881; JIS R 5201:97	
3	- XD độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết và tính ổn định thể tích	TCVN 6017:15; TCVN 8875-8876:12; ASTM C187:11; ASTM C185; ASTM C191:08; ASTM C109:08; AASHTO T131, T129:10; BS 196:05; BS 1881; JIS 5201:97	
4	- Xác định độ nở Autoclave	TCVN 8877:11; TCVN 7711:07 ASTM C151:09	
5	- Xác định hàm lượng (SO ₃), (CL ⁻)	TCVN 141:2023	
5.1	- Xác định hàm lượng mất khi nung	TCVN 141:2023; TCVN 6820:15; ASTM C114; BS EN 196;	
5.2	- XD hàm lượng Kali Oxít (K ₂ O) và Natri Oxít (Na ₂ O) hoà tan	TCVN 141:2023	
6	- Xác định độ nở sunphat, thay đổi chiều dài thanh vữa	TCVN 7713:07; ASTM C1012; TCVN 6068:04; TCVN 12003-18; ASTM C490, ASTM C1038 ASTM C595; ASTM C452	
7	- Thí nghiệm độ ổn định thể tích của cốt liệu trong môi trường Sunfat để đánh giá khả năng bền bằng giá	BS 1367-P2:98; JIS A1122 ASTM C88; AASHTO T104	
8	- Thí nghiệm xác định nhiệt thủy hóa trong xi măng	TCVN 6070:05; BS EN 196-9:10	

II	HỖN HỢP BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẶNG		
1	- Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106:22; ASTM C143-10a; AASHTO T119:11; BS 12350:09; JIS A 1101:05	
2	- Thử độ cứng vebe	TCVN 3107:22; BS 12350:09	
3	- Xác định khối lượng thể tích hỗn hợp bê tông	TCVN 3115:22; ASTM C138:12 ; AASHTO T121:11; BS 1881; BS 12350:09; JIS A 1116:05	
4	- Xác định độ tách nước, tách vữa	TCVN 3109:22; ASTM C232; AASHTO T158:11; BS 12350; BS 480:86; JIS A 1123	
5	- Xác định hàm lượng bọt khí vữa bê tông	TCVN 3111:22; ASTM C173; ASTM C231; AASHTO T152; BS 12350:09; JIS A 1128; BS 12390;	
6	- Xác định độ hút nước	TCVN 3113:22; ASTM C642; ASTM C138	
7	- Xác định độ chống thấm	TCVN 3116:22; ASTM D 6489; ASTM C403; ASTM C1585	
8	- Thử độ co	TCVN 3117:22; ASTM C157:08 AASHTO T160; T197; JIS A 1129	
9	- Xác định giới hạn bền khi nén	TCVN 3118:22; ASTM C39; ASTM C42; ASTM C78 AASHTO T22; T140; T24; JIS A 1108; A 1107	
10	- Xác định giới hạn bền kéo khi uốn	TCVN 3119:22; ASTM C293; AASHTO T177; JIS A 1106; A 1114	
11	- Xác định giới hạn bền kéo dọc trục khi bừa	TCVN 3120:22; CRD 164:92; ASTM C496; JIS A 1113:06	
12	- Xác định cường độ lắng trụ và mô đun đàn hồi khi nén tĩnh	TCVN 5726:2022; JIS A1127; A1149	
13	- Xác định thời gian ninh kết của hỗn hợp bê tông	TCVN 9338:12; ASTM C403; AASHTO T197	
	- Xác định độ chảy xòe của hỗn hợp bê tông	BS 12350-P5:09; ASTM C1611; JIS A1150	
15	- Xác định hàm lượng ion Clo trong bê tông	TCVN 7572-15:06; JIS A1154; ASTM C1152; C1218; AASHTO T260	
16	- Xác định nhiệt độ của hỗn hợp bê tông	TCVN 9340:12; ASTM C1064; AASHTO T309; JIS A1156	



17	- Xác định cường độ bê tông trên mẫu lấy từ kết cấu	TCVN 12252 :2020	
18	- Xác định độ chảy loang và thời gian chảy loang, khả năng chảy, chống phân tầng	TCVN 12209:2018; EN 12350; ASTM C1611; JIS A1150	
19	- Xác định độ PH	TCVN 9339 :2012	
20	- Xác định khối lượng riêng và độ rỗng	TCVN 3112 :2022	
III	THỬ CỐT LIỆU BÊ TÔNG VÀ VỮA	TCVN 7572:06	
IV	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ ĐẤT, CẤP PHỐI ĐÁ DẼM		
1	- Xác định khối lượng riêng (tỷ trọng)	TCVN 4195:12 ; ASTM D854:00; BS 1377:90; AASHTO T100	
2	- Xác định độ khô và hàm lượng nước	TCVN 6648:2000	
3	- Xác định độ ẩm và độ hút ẩm	TCVN 4196:12; ASTM D2216; BS 1377:90; AASHTO T265	
4	- Xác định giới hạn dẻo, giới hạn chảy	TCVN 4197:12; ASTM D4318; AASHTO T89; T90	
5	- Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 4198:14; AASHTO T88; T27; ASTM C136; D1140; D422; BS 1377 :90	
6	- Xác định sức chống cắt trên máy cắt phẳng	TCVN 4199:95; TCVN 199:2012; ASTM D3080; BS 1377:90; AASHTO T236	
7	- Xác định tính nén lún trong điều kiện không nở hông	TCVN 4200:12; BS 1377:90; ASTM D2435	
8	- Xác định độ chặt tiêu chuẩn	TCVN 4201:12; TCVN 8721:2012; TCVN 12790:20 ASTM D1557; D698; AASHTO T99; T180; BS 1377:90	
9	- Xác định khối lượng thể tích (dung trọng)	TCVN 4202:12; ASTM D2937; ASTM D7263; AASHTO T204; AASHTO T191; BS 1377:90	
10	- Thí nghiệm sức chịu tải của đất (CBR)-trong phòng thí nghiệm	TCVN 8821:11; TCVN 12792:20; AASHTO T193	
11	- Xác định đặc trưng hệ số thấm, tan rã, góc nghi tự nhiên của đất	TCVN 8723:12; TCVN 8724:12; TCVN 8718:2012; GOST 24143; ASTM D2434; BS 1377:90	

12	- Xác định các chỉ tiêu của đất trên máy nén 3 trục (UU;CU;CD;CV), nén 1 trục có nở hông	TCVN 8868:11; BS 1377-P8:90; ASTM D2850; ASTM D2166; AASHTO T208	
13	- Xác định hàm lượng hữu cơ đất	TCVN 8726:12; AASHTO T267; ASTM 2974	
15	- Xác định tổng hàm lượng và hàm lượng các ion thành phần muối hòa tan trong đất	TCVN 8727:12	
16	Xác định đặc trưng cơ ngót của đất	TCVN 8720:2012	
17	Đất, cát gia cố xi măng: Xác định cường độ kéo khi ép chế, mô đun đàn hồi, cường độ kháng nén, kháng uốn	TCVN 9403:12; TCVN 8862:11; ASTM D559, D560; D1633, D1634, D1635	
18	Đất gia cố chất kết dính: Xác định đầm nén chặt, cường độ kháng ép, nén, mô đun đàn hồi, độ ổn định nước sau 5 chu kỳ bão hòa sấy	TCVN 9843:13; ASTM D559, D1633, D1634, D1635	
V	KIỂM TRA THÉP XÂY DỰNG VÀ LIÊN KẾT MỐI HÀN		
1	- Thử kéo	TCVN 197-1:14; TCVN 6288:97; TCVN 1824:93; TCVN 7937:13 ASTM A370; A36; A615; D3953; JIS Z2241; Z2248; G3101	
2	- Thử uốn	TCVN 198:08; ISO 7438:16; ASTM A438; A615; JIS Z2241; Z2248; X2247 ; GB/T 232 :2010 ; AS 2505 :2004 ; G3101	
3	- Thử phá hủy mối hàn vật liệu kim loại thử uốn, thử kéo	TCVN 5401:10; TCVN 5403:10; TCVN 8310-10; TCVN 8311:10; TCVN 11977:17; AASHTO T68	
4	- Xác định độ cứng vật liệu kim loại	TCVN 257:2007; (ISO 6508-1:05)	
5	- Thí nghiệm mối nối ống ren	TCVN 8163:09	
6	- Thí nghiệm xác định cường độ kéo nhỏ	TCVN 9490:12; ASTM C900	
7	- Thép cốt bê tông dự ứng lực, thép lưới hàn: Xác định độ bền kéo, uốn	TCVN 7937:13; TCVN 9391:12; BS 4449; ASTM A1061; BS E1002	
8	- Xác định chiều dày lớp phủ sơn, lớp mạ	TCVN 5408:07; TCVN 406:2012; ASTM A123, A123M; JIS H0401	
VI	BÊ TÔNG NHỰA		
1	- Phương pháp xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall	TCVN 8860-1:11; ASTM D1559; AASHTO T245	

VÀ CÁC
 NG TÂN
 THUẬT
 I TRẢ
 TRƯỜNG

2	- Phương pháp xác định hàm lượng nhựa, TPH, tỷ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái rời	TCVN 8860-2-3-4:11; ASTM D2041; AASHTO T209	
3	- Phương pháp xác định tỷ trọng khối, khối lượng thể tích của bê tông nhựa đã đầm nén	TCVN 8860-5:11	
4	- Phương pháp xác định độ chảy nhựa, độ góc cạnh của cát, hệ số độ lu lèn, độ rỗng dư, độ rỗng cốt liệu, độ rỗng lấp đầy nhựa, độ ổn định của bê tông nhựa	TCVN 8860-6-7-8-9-10-11-12:11; ASTM D1559; AASHTO T245	
5	- Xác định khả năng kháng ẩm của mẫu đã đầm chặt	TCVN 12914:20	
VII	NHỰA BITUM, NHỰA ĐƯỜNG LỎNG, NHỰ TƯƠNG		
1	- Xác định độ kim lún, chỉ số PI	TCVN 7495:05; ASTM D5; AASHTO T49; EN 1426	
2	- Xác định độ kéo dài	TCVN 7496:05; ASTM D113; AASHTO T51	
3	- Xác định độ nhiệt độ hóa mềm	TCVN 7497:05; ASTM D36 ; AASHTO T53	
4	- Xác định nhiệt độ bắt lửa	TCVN 7498:05; TCVN 8818-2 :11; ASTM D92; AASHTO T48	
5	- Xác định lượng tổn thất khi gia nhiệt	TCVN 7499:05; TCVN 11710:17; TCVN 11711:17; ASTM D6, D1754, D2872; AASHTO T47, T179, T240	
6	- Xác định độ nhớt động lực học	TCVN 7502:05; ASTM D2170; AASHTO T59	
7	- Xác định lượng hòa tan trong Trichloroethylene	TCVN 7500:05; ASTM D2042; AASHTO T44	
8	- Xác định khối lượng riêng	TCVN 7501:05; ASTM D270 ; AASHTO T228	
9	- Xác định độ dính bám đối với đá	TCVN 7504:05; AASHTO T182;	
10	- Xác định hàm lượng paraffin	TCVN 7503:05	
VIII	THỬ NGHIỆM TẠI HIỆN TRƯỜNG		
1	- Đo dung trọng, độ ẩm của đất bằng pp dao dai	22TCN 02-71; TCVN 8728:12; TCVN 8729:12; TCVN 8730:12; TCVN 12791:20; AASHTO T204; ASTM D2937; AASHTO T204:90	

2	- Độ ẩm; Khối lượng TT của đất trong lớp kết cấu bằng pp rót cát	22TCN 346:06; TCVN 8729:12 ASTM D1556; AASHTO T191:93; BS1377:90	
3	- Độ bằng phẳng của mặt đường bằng thước 3m	TCVN 8864:11; ASTM E950; BS 1082:02	
4	- Xác định modul đàn hồi chung của kết cấu áo đường bằng cần đo vòng Benkelman	TCVN 8867:2025; ASTM D4695; AASHTO T256	
5	- Xác định modul đàn hồi của nền đất và các lớp kết cấu áo đường bằng phương pháp tấm ép cứng	TCVN 8861:11; ASTM D4395	
6	-Kiểm tra độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát	TCVN 8866:11; ASTM E965, E1082	
7	- Đo điện trở đất	TCVN 9385:12; BS6651; ASTM G187; BS 5930	
8	- PP xác định môđun biến dạng hiện trường bằng tấm ép phẳng	TCVN 9354: 12	
9	- Phương pháp không phá hoại sử dụng kết hợp máy đo siêu âm và súng bật nảy để xác định cường độ nén của bê tông	TCVN 9335:12; TCVN 9334:12 ASTM C805M; BS 12504:12; JIS A1155	
10	- Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn (thử nghiệm SPT)	TCVN 9351:12	
11	- Cọc-PP thí nghiệm bằng tải trọng tĩnh ép dọc trục	TCVN 9393:12	
12	- Thí nghiệm cọc khoan nhồi bằng pp siêu âm	TCVN 9396:12	
13	- Trắc địa công trình xây dựng	TCVN 9399:12	
14	- Đánh giá độ bền của các bộ phận kết cấu chịu uốn trên công trình bằng phương pháp thí nghiệm chất tải tĩnh	TCVN 9344:12	
15	- Đo chuyển vị, độ võng, ứng suất cọc cầu, chuyển vị ngang, độ nghiêng, độ lún công trình	22TCN 170:87; 22TCN 243:98; TCVN 9400:2024; TCVN 9360:12; TCVN 9364:12; ASTM D6230; AASHTO T254	
16	- Thí nghiệm cọc bằng phương pháp biến dạng lớn (PDA)	ASTM D4945:2017	
17	- Thí nghiệm biến dạng nhỏ (PIT)	TCVN 9397:12	
18	-Thí nghiệm nhỏ cọc bê tông cốt thép	ASTM D3689; ASTM C900:2006; BS 12504:05	
19	-Thí nghiệm đẩy ngang cọc bê tông cốt thép	ASTM D3966:2007	

20	- Thí nghiệm cắt cánh VST	22 TCN 355-06; ASTM D2573; BS1377:90	
21	- Cột điện bê tông cột thép ly tâm - xác định kích thước	TCVN 5847:2016	
21.1	- Cột điện bê tông cốt thép ly tâm - xác định lực kéo ngang đầu cột	TCVN 5847:2016	
22	- Phương pháp điện từ xác định chiều dày lớp bê tông bảo vệ, vị trí và đường kính cốt thép trong bê tông	TCVN 9356:2012	
23	- Kiểm tra cơ lý cọc bê tông ly tâm dự ứng lực trước	TCVN 7888:14; JIS A 5335; A 5337; A 5373	
24	- Thí nghiệm xác định chỉ số CBR của nền đất và các lớp móng đường bằng vật liệu rời tại hiện trường	TCVN 8821:11; BS 1377-P9:99	
IX	THỬ NGHIỆM VỮA XÂY DỰNG		
1	- Xác định độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-3:2022; ASTM C1437; BS 1015:99	
2	- Xác định khối lượng thể tích của vữa tươi	TCVN 3121-6:2022; BS 445:07; BS 1015:99	
3	- Xác định khối lượng thể tích mẫu vữa đóng rắn	TCVN 3121-10:2022; BS 1015:02	
4	- Xác định cường độ uốn và nén của vữa đã đóng rắn	TCVN 3121-11:2022; BS 445; BS 1015:02	
5	- Xác định độ hút nước của vữa đã đóng rắn	TCVN 3121-18:2022; ASTM D1403; BS 1015:02	
X	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH XÂY		
1	- Xác định kích thước hình học và khuyết tật ngoại quan	TCVN 6355-1:09; AASHTO T32; ASTM C67	
2	- Xác định cường độ bền nén	TCVN 6355-2:09; AASHTO T32; ASTM C67	
3	- Xác định cường độ bền uốn	TCVN 6355-3:09; AASHTO T32; ASTM C67	
4	- Xác định độ hút nước	TCVN 6355-4:09; AASHTO T32; ASTM C67	
5	- Xác định khối lượng thể tích, khối lượng riêng	TCVN 6355-5:09; AASHTO T32; ASTM C67	
6	- Xác định độ rỗng	TCVN 6355-6:09; AASHTO T32; ASTM C67	

7	- Thử nghiệm cơ lý gạch bê tông tự chèn	TCVN 6476:99; ASTM C140	
8	- Thử nghiệm cơ lý gạch block bê tông	TCVN 6477:16; ASTM C140-12a	
9	- Thí nghiệm cơ lý gạch Terrazzo	TCVN 7744:13; BS EN13748	
10	- Sản phẩm bê tông nhẹ, gạch bê tông nhẹ: Xác định: kích thước và khuyết tật ngoại quan, cường độ nén, độ hút nước; khối lượng thể tích khô, độ co khô	TCVN 9030:17	
11	- Gạch xi măng lát nền	TCVN 6065:95	
12	- Gạch ốp lát, đá granite	TCVN 6415:15; TCVN 4732:16	
XI	THỬ CƠ LÝ VẬT LIỆU BỘT KHOÁNG TRONG B.T.N		
1	- Thành phần hạt; Lượng mất khi nung; Hàm lượng nước; Khối lượng riêng của bột khoáng chất; KL thể tích và độ rỗng của bột khoáng chất; Hệ số hấp nước	22 TCN 58-84; ASTM D5329; AASHTO T27, T100; JIS A5008	
1.1	- Hàm lượng chất hòa tan trong nước; Xác định KLR của bột khoáng chất và nhựa đường; KLTT và độ rỗng dư của hỗn hợp bột khoáng chất và nhựa đường; Độ trương nở thể tích của hỗn hợp bột khoáng chất và nhựa đường.	22 TCN 58-84; ASTM D5329; JIS A5008; AASHTO T27, T100;	
XII	PHÂN TÍCH HOÁ NƯỚC CHO XÂY DỰNG		
1	- Xác định hàm lượng cặn không tan	TCVN 4560:88; AASHTO T126; BS EN1008	
1.1	- Xác định hàm lượng muối hoà tan	TCVN 4560:88; AASHTO T126; BS EN1008	
2	- Xác định độ pH	TCVN 6492:11; AASHTO T126; BS EN1008	
3	- Xác định hàm lượng ion Clorua (Cl-)	TCVN 6194:96; BS 1337	
4	- Xác định hàm lượng ion Sunfat (SO4--)	TCVN 6200:96; ASTM C1580; BS 1337	
XIII	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ NGÓI LỘP		
1	- Xác định tải trọng uốn gãy; Độ hút nước; Thời gian xuyên nước;	TCVN 4313:2023	

	Khối lượng 1m2 gói bao hòa nước		
XIV	VỮA CHO BÊ TÔNG NHẹ		
1	- Xác định kích thước hạt cốt liệu lớn	TCVN 9028:11	
1.1	- Xác định độ lưu động của vữa tươi; Khả năng giữ độ lưu động của vữa tươi	TCVN 9028:11	
1.2	- Xác định thời gian bắt đầu đông kết của vữa tươi; Cường độ nén của vữa đã đông rắn	TCVN 9028:11	
1.3	- Xác định thời gian điều chỉnh	TCVN 9028:11	
1.4	- Xác định hàm lượng ion Clo hòa tan trong nước; Hệ số hút nước do mao dẫn	TCVN 9028:11	
XV	BENTONITE		
1	- Xác định khối lượng riêng; Hàm lượng cát; Độ pH, độ nhớt; Tỷ lệ chất keo; Lượng mất nước; Độ dày áo sét; Lực cắt tĩnh; Tính ổn định	TCVN 11893:17; TCVN 3068:20; ASTM D4380; ASTM D4972, D6910, D4381, D6248;	
XV	THỬ NGHIỆM ỐNG CÔNG		
I	THOÁT NƯỚC		
1	- Kiểm tra ngoại quan, khuyết tật và nhãn mác; kích thước và độ vuông góc của đầu ống công	TCVN 9113:12	
1.1	- Thử khả năng chịu tải của ống công	TCVN 9113:12	
1.2	- Thử độ thấm nước của ống công	TCVN 9113:12	
XV	THÍ NGHIỆM BẮC THẨM VÀ		
II	VẢI ĐỊA KỸ THUẬT		
1	- Thí nghiệm xác định lực kéo giặt và độ giãn dài kéo giặt của vải địa kỹ thuật	TCVN 8871-1:2011; ASTM D4632; ASTM D4533	
1.1	- Thí nghiệm xác định lực kháng xuyên thủng thanh tiêu chuẩn	TCVN 8871-4:2011; ASTM D4833	
1.2	- Thí nghiệm xác định lực xuyên thủng CBR tiêu chuẩn	TCVN 8871-3:2011; ASTM D6241	
1.3	- Thí nghiệm xác định kích thước lỗ biểu kiến bằng phép thử sàng khô	TCVN 8871-6:2011; ASTM D4751	
1.4	- Thí nghiệm xác định áp lực kháng bụi	TCVN 8871-5:2011; ASTM D4751	

2	- Thí nghiệm xác định độ dày danh định của vải địa kỹ thuật	TCVN 8220:2009; ASTM D5199	
3	- Thí nghiệm xác định khối lượng bốc thấm, vải địa kỹ thuật	ASTM D5261:10	

2. Danh mục máy móc, thiết bị, dụng cụ

TT	TÊN MÁY MÓC, THIẾT BỊ, DỤNG CỤ	GHI CHÚ
1	Súng bột nẩy	
2	Máy thử kéo nhựa	
3	Máy thử kéo nhựa	
4	Thiết bị đo độ kim lún Matest	
5	Thiết bị đo độ kim lún	
6	Cần Benkeman tỉ lệ 1:2	
7	Cần Benkeman Humboldt	
8	Máy nén tam liên một trung áp WG	
9	Máy cắt đất 3 tốc độ Mode ZJ	
10	Máy khoan mẫu bê tông	
11	Thiết bị thí nghiệm độ cứng Vibe Matest	
12	Máy trộn vữa xi măng tiêu chuẩn	
13	Kích thủy lực 560 tấn (Larzep - EU) + Bơm điện Enerpac SR6088 + hệ dầm vuông 300 + hệ dầm I 600 + hệ dầm lắp ghép tấm đệm sắt đầu cọc D600 & D800	
14	Máy cưa mẫu Matest	
15	Máy đầm mẫu bê tông nhựa tự động Matest	
16	Máy đầm rung cố định bê tông	
17	Máy dẫn mẫu xi măng	
18	Máy dẫn mẫu xi măng	

19	Máy đo điện trở đất điện tử Kyoritsu	
20	Máy hút chân không	
21	Máy hút chân không	
22	Máy nén bê tông 200 tấn TYA	
23	Máy nén bê tông 200 tấn, 60 tấn Matest	
24	Máy nén bê tông 200 tấn TYA -2000	
25	Máy nén bê tông 300 tấn, Matest	
26	Máy nén bê tông 150 tấn, Matest	
27	Máy nén CBR + Marshall bê tông nhựa	
28	Máy mài mòn Los Angeles	
29	Máy mài mòn Los Angeles	
30	Máy nén mẫu Marshall Matest	
31	Máy siêu âm bê tông kết hợp súng bật nảy Control	
32	Máy trộn bê tông cưỡng bức	
33	Máy trộn bê tông	
34	Tủ dưỡng mẫu xi măng Matest	
35	Tủ sấy 300 lít	
36	Lò nung 500-600oC	
37	Mô tơ và phiếu hút độ	
38	Bếp từ SD300	
39	Bếp trộn thiết kế bê tông nhựa	
40	Bếp chưng cất Parafin	
41	Bếp cất cát	
42	Máy đầm Proctor tự động	
43	Dụng cụ thí nghiệm khối lượng thể tích xốp của đá	

44	Bộ thử hàm lượng bọt khí bê tông Matest	
45	Bộ Vika thử xi măng	
46	Bộ Vika thử xi măng	
47	Máy nén vữa Matest	
48	Máy đo độ bắt lửa	
49	Máy đo độ bắt lửa	
50	Dụng cụ đo nhiệt độ hóa mềm Matest	
51	Dụng cụ đo nhiệt độ hóa mềm	
52	Dụng cụ thí nghiệm khối lượng thể tích, khối lượng riêng của cát	
53	Kích thủy lực mẫu Marshall	
54	Máy mài cố định	
55	Piret thủy tinh	
56	Đồng hồ chuyển vị nén tĩnh cọc Mitutoyo	
57	Bình tỉ trọng xi măng 250ml	
58	Bộ thí nghiệm đo K	
59	Bộ dao vòng (20 X 50mm)	
60	Bộ dao vòng (100 X 200mm) hiện trường cát	
61	Chày đầm tiêu chuẩn IBST	
62	Khuôn cố kết	
63	Khuôn Marshall	
64	Khuôn thử nghiệm chống thấm	
65	Khuôn đúc mẫu chống thấm	
66	Khuôn (50 x50 x50mm)	
67	Khuôn (100 x100x 100mm)	
68	Khuôn uốn 150 x150 x300mm)	

69	Khuôn (100 X100 x400mm)	
70	Khuôn nhựa (150 x150 x150mm)	
71	Bộ sàn lỗ vuông 200mm	
72	Bộ sàn trắng lỗ vuông	
73	Bộ sàn trắng lỗ tròn	
74	Bộ sàn inox 300mm	
75	Bộ sàn lỗ vuông 300mm tem màu xanh đậm	
76	Bộ sàn lỗ vuông 300mm tem màu xanh lá	
77	Bộ sàn lỗ vuông 300mm tem màu đen	
78	Bộ sàn lỗ tròn 300mm	
79	Bộ gá nén mẫu vữa	
80	Bộ gá nén mẫu vữa Matest	
81	Bình hút chân không	
82	Thước Panme điện tử Mitutoyo	
83	Cối chàỳ đầm cải tiến	
84	Cối, chàỳ đầm tiêu chuẩn	
85	Bộ nén đập xi lanh 150mm	
86	Bộ nén đập xi lanh 75mm	
87	Bộ tải thí nghiệm cơ lý đất trong phòng từ 0.319 kg đến 5.1kg	
88	Bộ gá chẽ bừa bê tông	
89	Thước kẹp cải tiến 300mm Besmam	
90	Máy khuấy từ gia nhiệt HS7	
91	Dụng cụ Klip	
92	Buret	
93	Bình định mức màu đỏ	

94	Dụng cụ đo góc nghỉ của cát	
95	Bộ gá nén mẫu bê tông (200 X 200mm)	
96	Tấm lót nén mẫu bê tông 5cm;D20cm	
97	Tấm lót nén mẫu bê tông 2cm;D20cm	
98	Tấm lót nén mẫu bê tông 12.5cm;D25.5cm	
99	Tấm lót nén mẫu bê tông 5cm;D21.5cm	
100	Dụng cụ chia mẫu	
101	Thùng định lượng 1 lít	
102	Thùng định lượng 2 lít	
103	Thùng định lượng 5 lít	
104	Thùng định lượng 10 lít	
105	Thùng định lượng 20 lít	
106	Bình hút ẩm	
107	Bình tam giác 1000ml không nắp	
108	Bình tam giác 250ml có nắp	
109	Bình tam giác 250ml không nắp	
110	Bình tam giác 500ml có nắp	
111	Bình tam giác 250ml Không nắp	
112	Cốc thủy tinh 100ml	
113	Dụng cụ Casagrande	
114	Thùng inox xác định hàm lượng bụi bùn sét	
115	Thùng lắng thử cát đá TCVN nhỏ	
116	Khay inox (30 X 40cm)	
117	Khay phơi lớn nhỏ	
118	Tỷ trọng kế Benmeadow	

119	Bộ gá uốn thép	
120	Bộ gá uốn thép	
121	Kính lúp	
122	Tấm ép đứng D33cm	
123	Thước thủy Vivo	
124	Thước thép 1m; 0.6m; 0.3m	
125	Máy khoan bê tông cầm tay BOSCH	
126	Máy khoan lấy mẫu bê tông điện	
127	Máy khoan lấy mẫu bê tông điện HQ	
128	Máy xác định độ chống thấm bê tông	
129	Cân điện tử kỹ thuật có móc thủy tĩnh 6.1kg	
130	Cân điện tử kỹ thuật có móc thủy tĩnh ANDGF 6100	
131	Máy trộn vữa xi măng tiêu chuẩn	
132	Dụng cụ đo độ sụt bê tông N: 1 3 cái & N2:2 cái	
133	Kích thủy lực 50 tấn	
134	Kích thủy lực 30 tấn	
135	Máy chiết nhựa Ele	
136	Máy chiết nhựa	
137	Máy cưa mẫu	
138	Máy nén 3 trục Hambolt	
139	Máy siêu âm dò cốt thép trong bê tông Control	
140	Máy kéo thép vạn năng	
141	Thùng ổn định nhiệt độ nước Matest	
142	Thùng ổn định nhiệt độ nước	
143	Máy phát điện	

144	Máy phát điện	
145	Cân thủy tĩnh 6.0kg Ohous	
146	Cân kỹ thuật 15kg	
147	Cân kỹ thuật 30kg	
148	Cân kỹ thuật 60kg	
149	Cân kỹ thuật 2.0kg	
150	Kích thủy lực 20 tấn	
151	Dụng cụ thử trương nở bê tông	
152	Xe kéo mẫu	
153	Máy hút chân không	
154	Đồng hồ chuyển vị	
155	Dụng cụ đo độ nhám mặt đường	
156	Bình khối lượng riêng bê tông nhựa (5 lít)	
157	Nhiệt kế thủy tinh	
158	Khuôn CBR	
159	Khuôn Le Chatelie	
160	Khuôn (40 X 40 X 160mm)	
161	Chày đầm cải tiến	
162	Khuôn trụ (150 X 300mm)	
163	Cối chày sứ	
164	Ống thủy tinh 1000ml	
165	Cốc thủy tinh 1 00ml	
166	Bộ căn thước lá đo bề rộng vết nứt của bê tông	
167	Máy toàn đạc điện tử Leica TCR1101	
168	Gương mini Leica	

169	Gương lớn + củ gương Leica	
170	Máy thủy chuẩn NA2	
171	Mĩa 4m	
172	Cọc mĩa	
173	Chân máy gỗ	
174	Chân máy nhôm	
175	Bộ đàm	
176	Sào gương 5.1 m	
177	Mĩa thủy chuẩn	
178	Máy thủy bình điện tử M250	
179	Mĩa điện tử	
180	Kẹp 3 chân	
181	Kẹp 3 chân	

3. Danh sách thí nghiệm viên:

STT	HỌ VÀ TÊN	TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN	VĂN BẰNG, CHỨNG CHỈ
1	Phạm Chí Công	KS ngành kỹ thuật công trình xây dựng	- Bằng Kỹ sư kỹ thuật công trình xây dựng (Số: 1741111271) - Bồi dưỡng Kiến thức, kỹ năng quản lý hoạt động Phòng Thí nghiệm chuyên ngành Xây dựng (Số: 0716-0012) - Phương pháp thử các tính chất cơ - lý vật liệu kim loại và liên kết hàn (Số: 471.2/2004/VKH-TNXD)
2	Huỳnh Tấn Tân	KS ngành địa chính	Khảo sát địa hình công trình Xây dựng hạng I (Số: BXD-00058558)
3	Phan Thị Bích Vân	TC ngành trồng trọt và bảo vệ thực vật	- Phương pháp xác định các tính chất cơ - lý của bê tông và vật liệu xây dựng (Số: 1605/2007/VKH-TNXD)

			- Phương pháp xác định tính chất cơ - lý của Đất, đá trong phòng thí nghiệm và hiện trường (Số: 1807/00027B/VND-CC)
4	Ngô Trần Quý Sang	TC ngành kiểm tra chất lượng công trình xây dựng	- Thí nghiệm Vật liệu và Kiểm định Công trình Xây dựng (Số: QĐ 05-0031/2010/TNV) - Thí nghiệm dây dẫn điện và phương pháp đo điện trở tiếp địa (Số: 2024/ĐT1-019/VKHCN) - Thí nghiệm hiện trường kiểm tra độ toàn vẹn và sức chịu tải cọc (Số: 502/QĐ.135.2025.VLXD)
5	Đặng Thiên Duy Anh	KS ngành kỹ thuật công trình xây dựng	- Bồi dưỡng nghiệp vụ kiểm định chất lượng công trình xây dựng (Số: 449/2017/CNBDNV-CDMI) - Thí nghiệm vật liệu công trình giao thông (Số: 2024/GT1-020/VKHCN) - Thí nghiệm dây dẫn điện và phương pháp đo điện trở tiếp địa (Số: 2024/ĐT1-018/VKHCN) - Thí nghiệm Vữa, Bê tông xi măng và Vật liệu chế tạo (Số: 2024/BT1-010/VKHCN)
6	Nguyễn Ngãi	TC ngành xây dựng dân dụng và công nghiệp	- Thí nghiệm Vữa, Bê tông xi măng và Vật liệu chế tạo (Số: 2024/BT1-011/VKHCN) - Thí nghiệm hiện trường kiểm tra độ toàn vẹn và sức chịu tải cọc (Số: 503/QĐ.135.2025.VLXD)
7	Đào Đức Trí	TC ngành xây dựng cầu đường	- Chứng chỉ khảo sát địa hình hạng III (Số: QNG-00188178)
8	Phùng Đông Nhật	TC quản lý đất đai	
9	Nguyễn Anh Tuấn	KS ngành quản lý đất đai	- Chứng chỉ khảo sát địa hình hạng III (Số: QNG-00188181)
10	Lê Văn Ngọc	Kỹ sư cầu đường	- Thí nghiệm vật liệu công trình giao thông (Số: 2024/GT1-021/VKHCN)

11	Ngô Thị Tường Vân	Kỹ sư ngành địa chất học	- Chứng chỉ khảo sát địa chất hạng III (Số: QNG-00188180)
12	Nguyễn Thị Kim Ngọc Nữ	Cử nhân hoá học	- Chứng nhận Phương pháp phân tích nước dùng trong Xây dựng (Số: 2024/NX1-035/VKHCN)
13	Nguyễn Thị Liên	Kỹ sư công nghệ kỹ thuật môi trường	- Chứng nhận Phương pháp phân tích nước dùng trong Xây dựng (Số: 2024/NX1-036/VKHCN)
14	Bạch Văn Mì	Kiểm tra chất lượng đường ô tô (Trung cấp)	- Thử nghiệm các chỉ tiêu cơ lý của cát, đá, sỏi, nhựa đường, BTN, thiết kế cấp phối BTN, thử nghiệm mô đun đàn hồi và độ bằng phẳng mặt đường của BTN (Số: 3672/ĐT212.04) - Thí nghiệm về Không phá huỷ (<i>thuộc Đề án "Tăng cường năng lực kiểm định chất lượng công trình xây dựng ở Việt Nam"</i>) (Số: 12751/2015/VKH-TNXD)
15	Trần Văn Hồng	Trung cấp Kỹ thuật điện tử dân dụng	- Phương pháp xác định các tính chất cơ - lý của bê tông và vật liệu xây dựng (Số: 8244/2010/VKH-TNXD)

Trung tâm Kỹ thuật quan trắc môi trường chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đầy đủ, chính xác của thông tin đã công bố nêu trên./.

**TRUNG TÂM KỸ THUẬT
QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG**



Lê Anh Trà